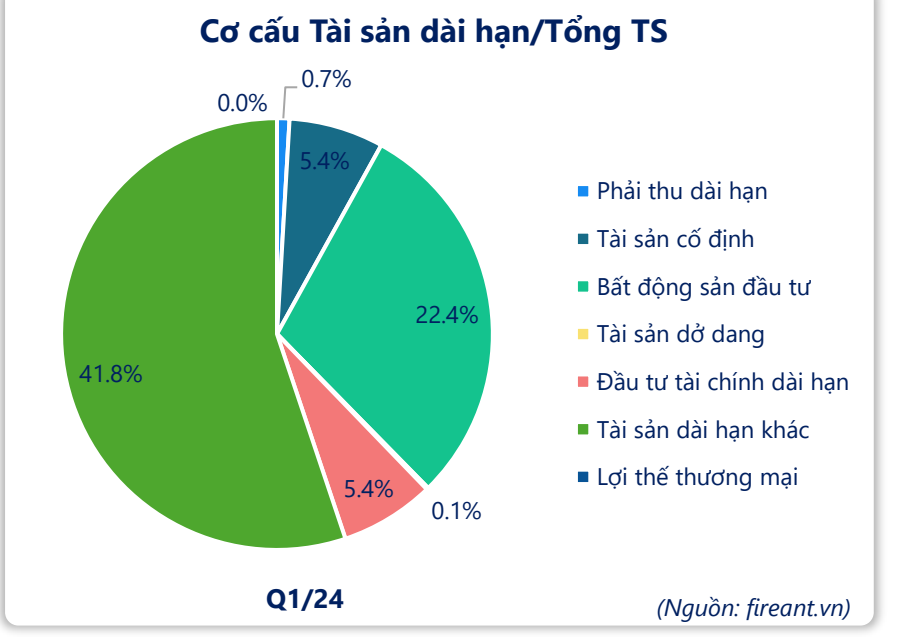
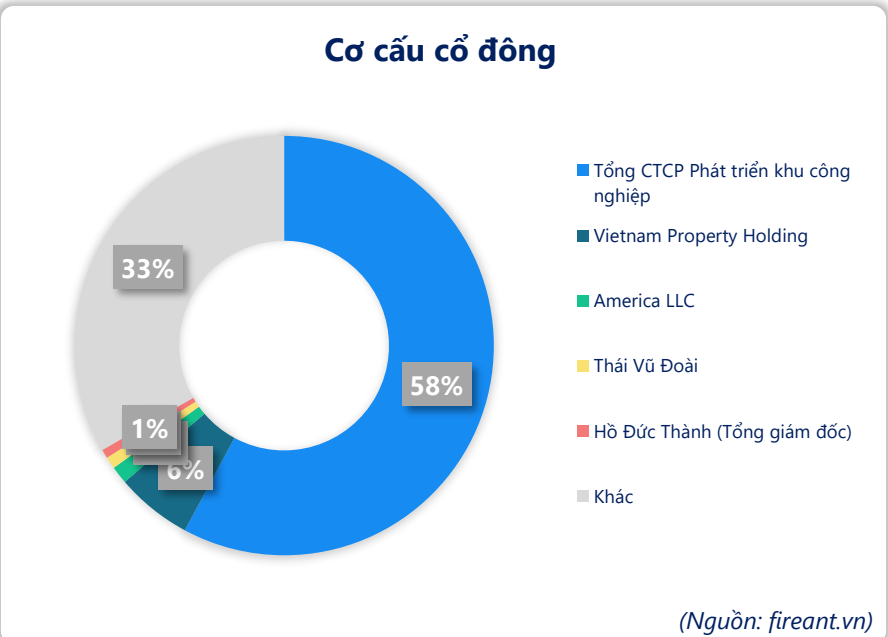
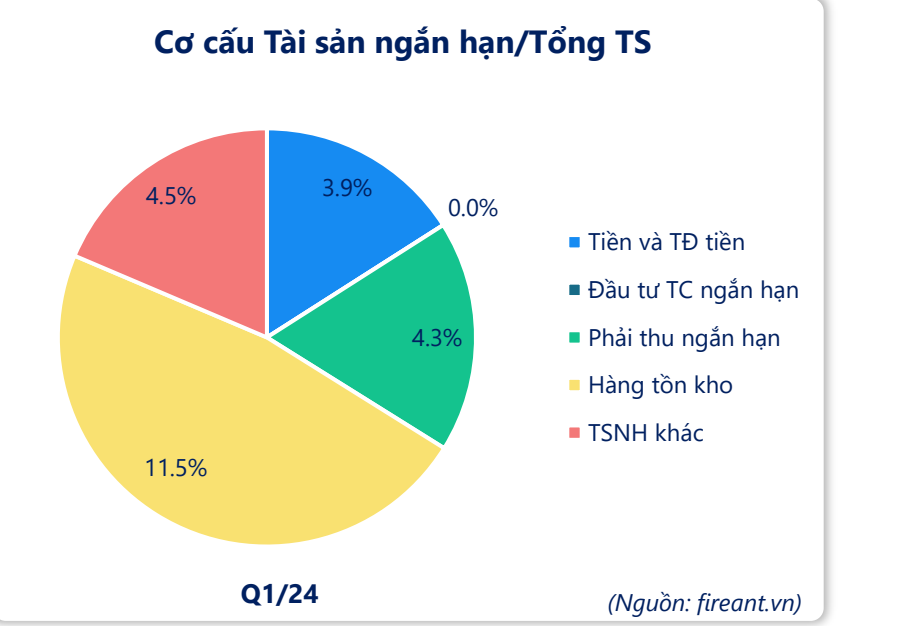
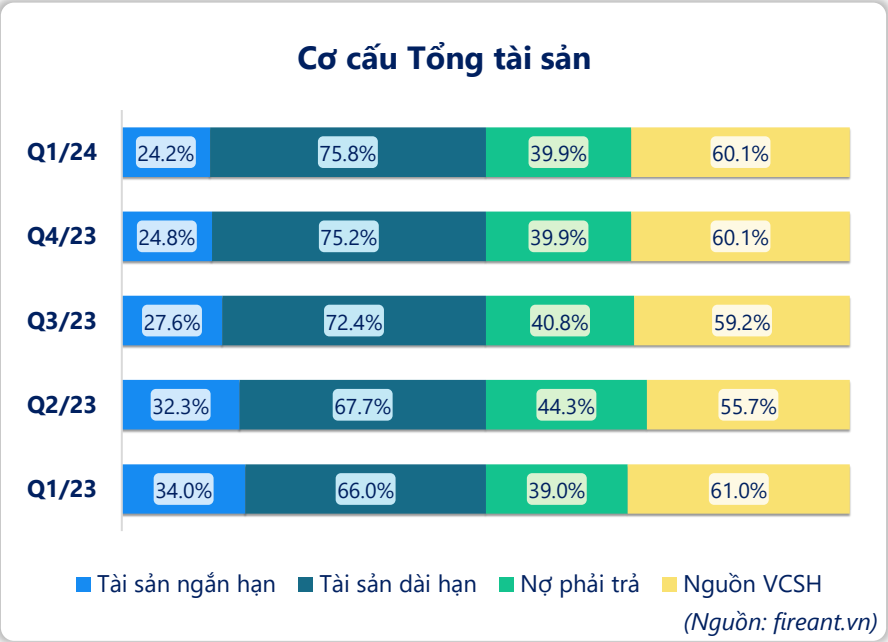
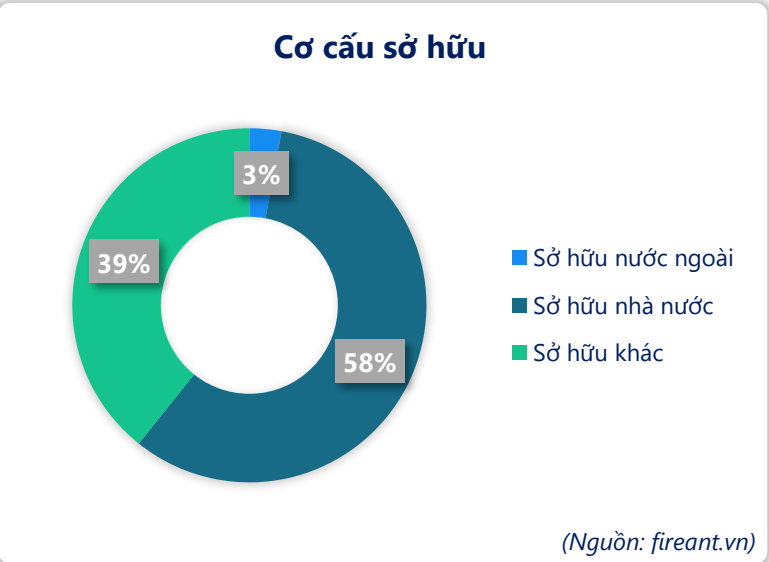
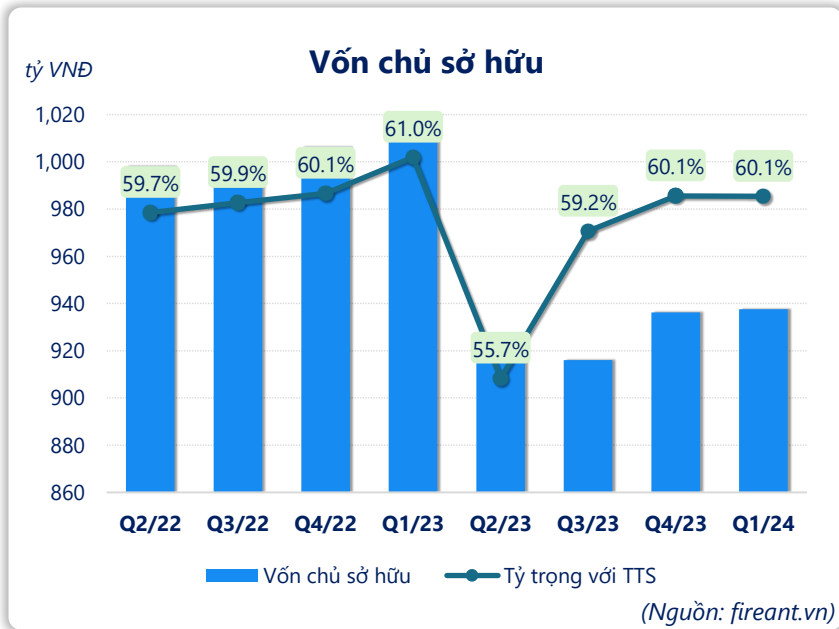
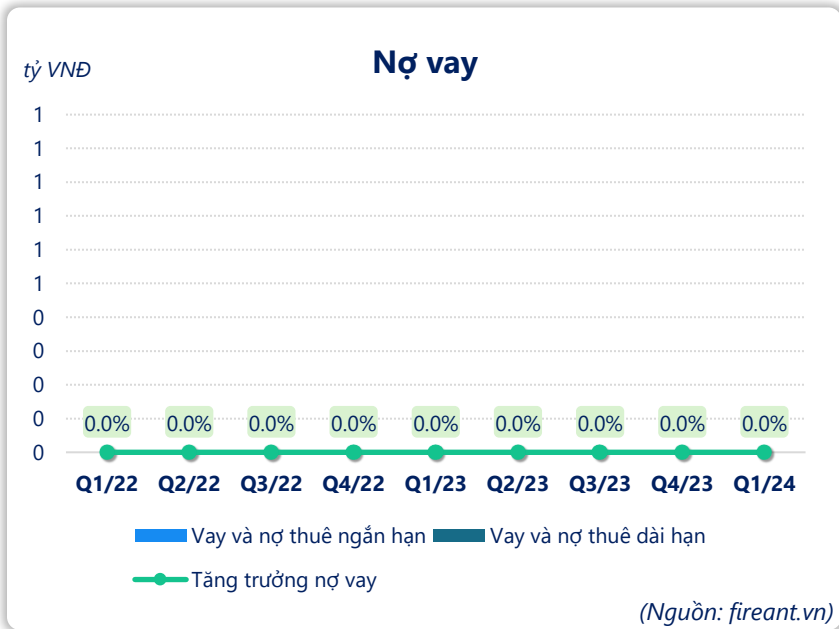
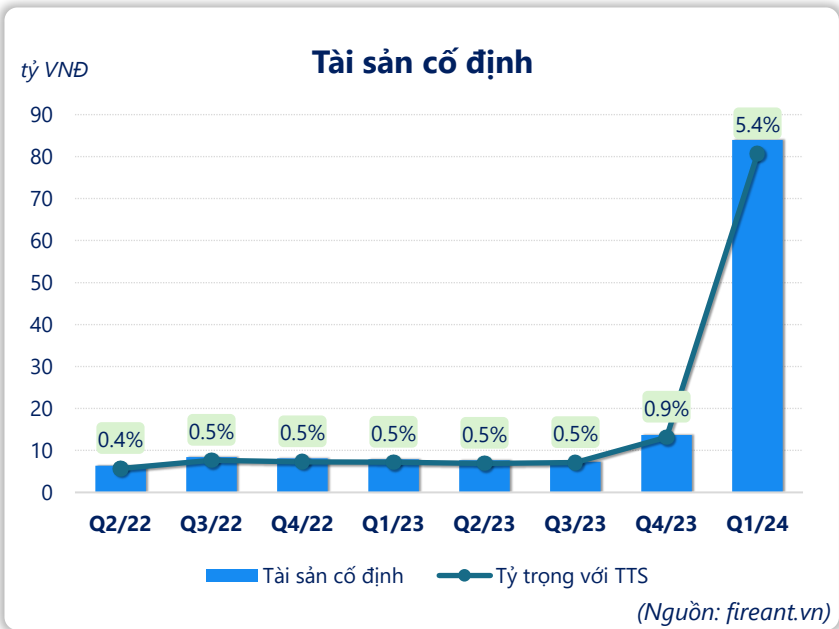
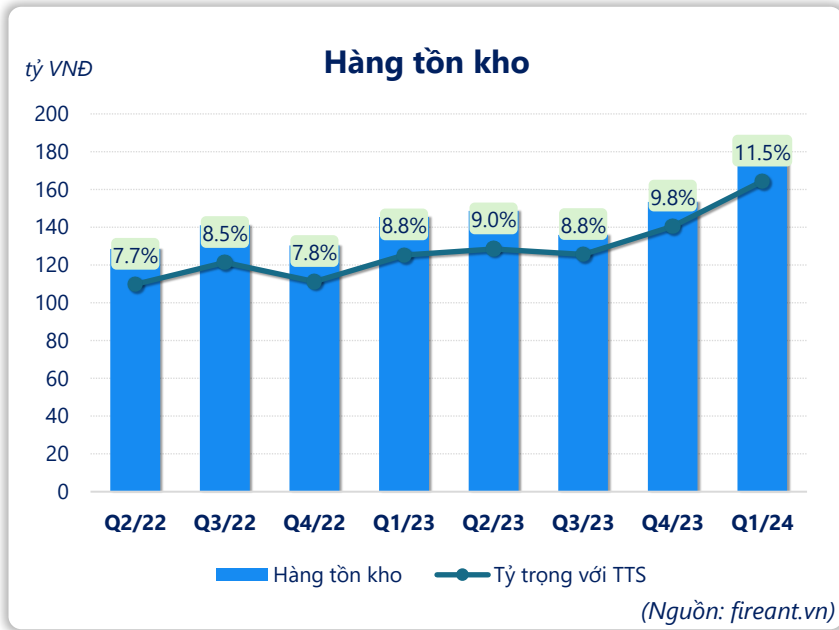
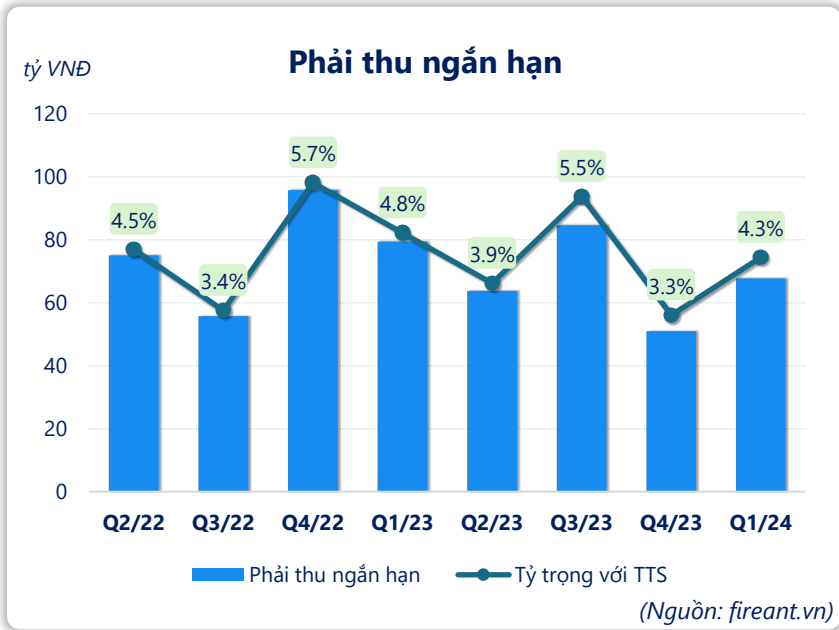
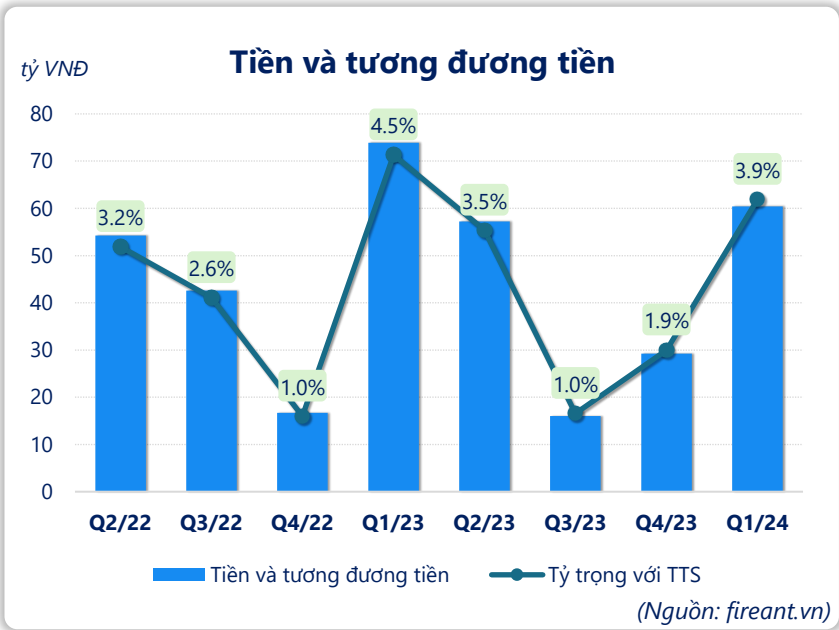
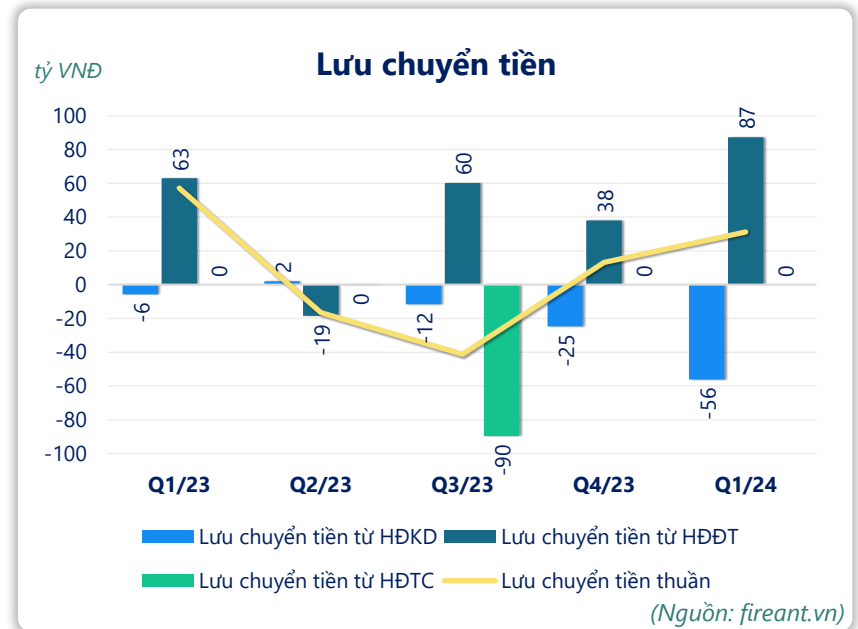
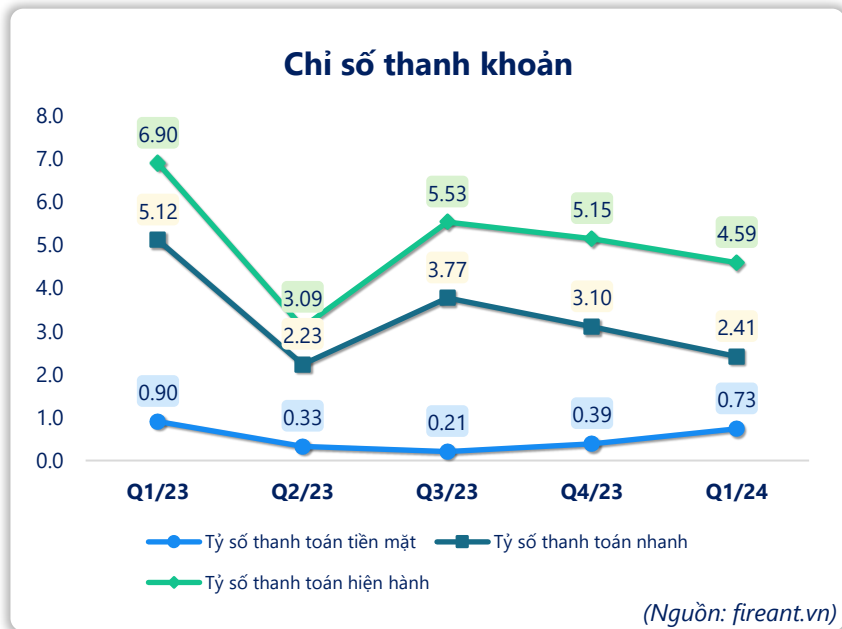
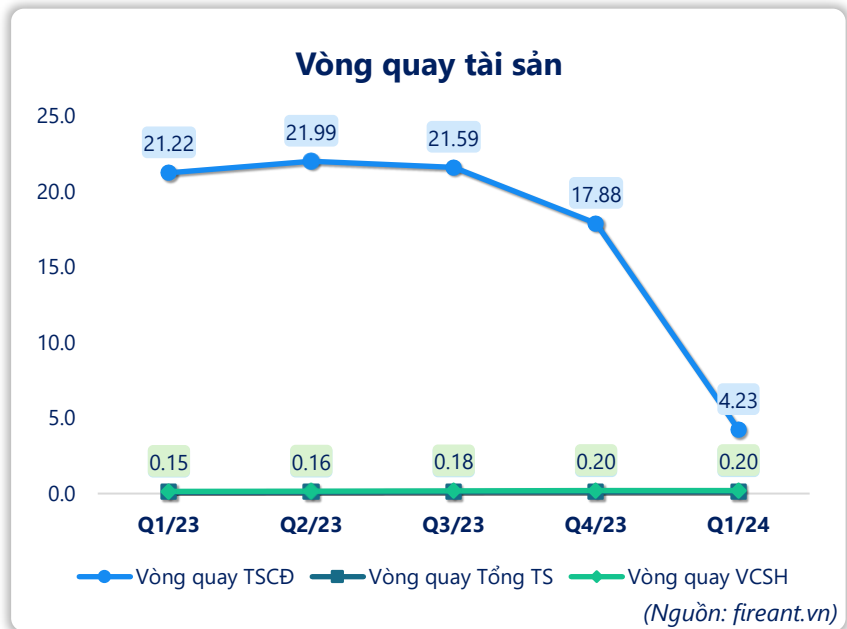
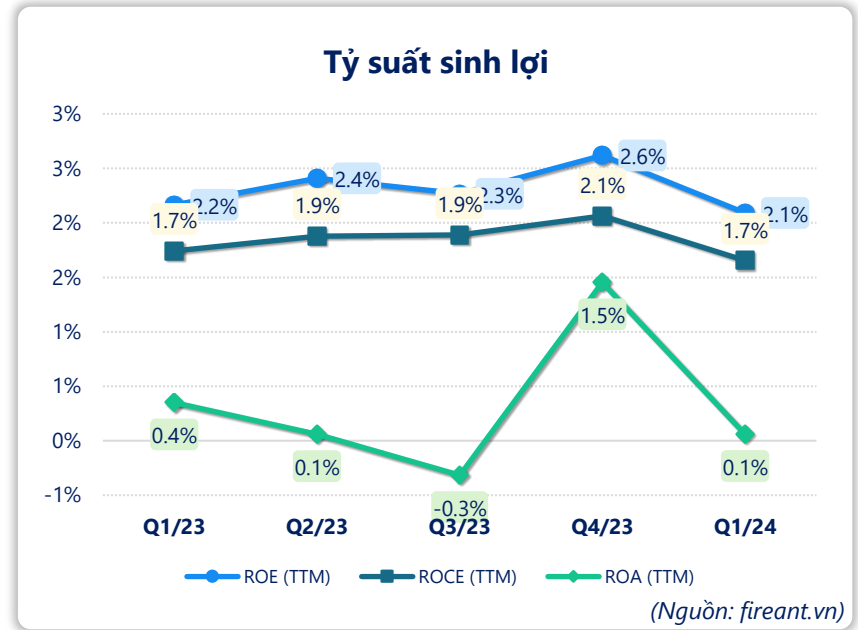
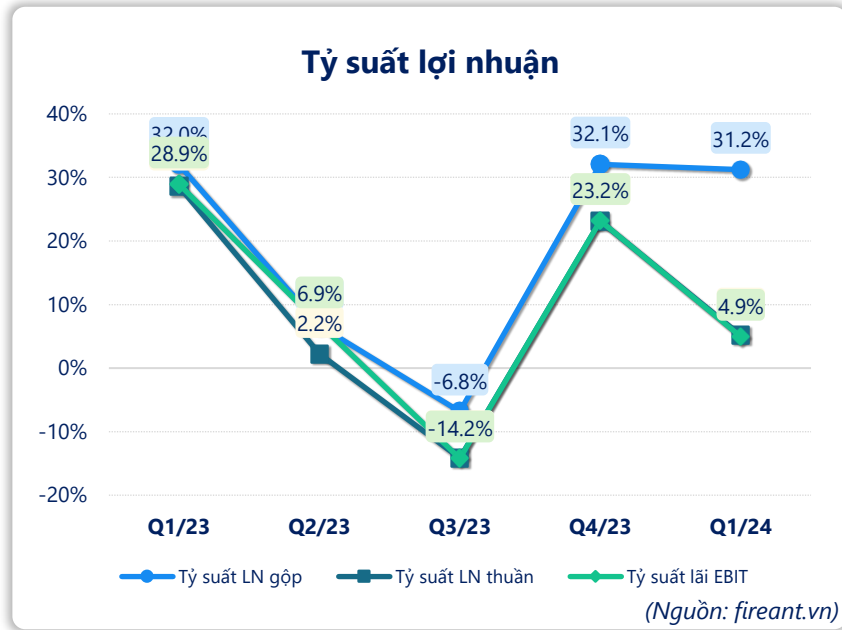
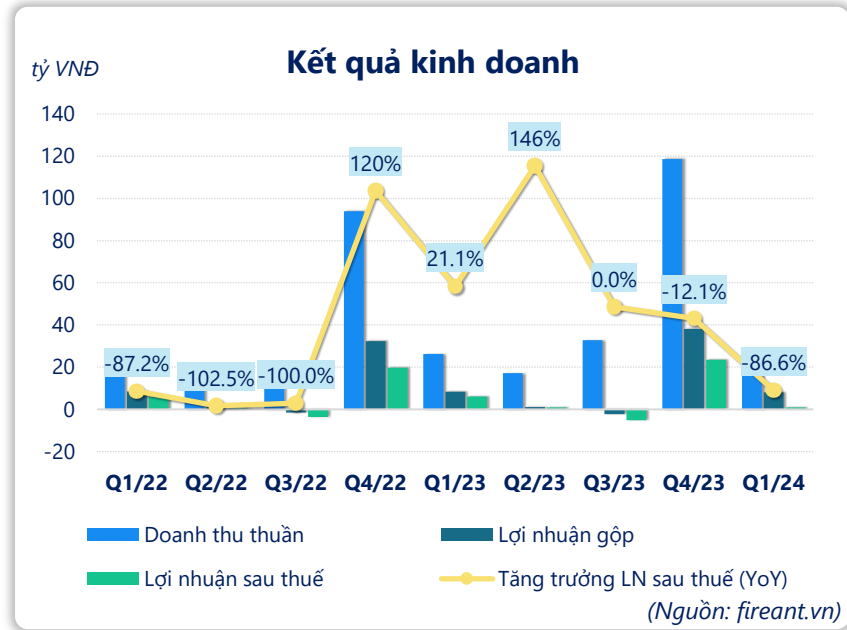


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		44,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		44,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,068
SL cổ phiếu LH		30,259,742
KLGD BQ 20 phiên (CP)		96,295
% sở hữu nước ngoài		2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,334
P/E		65.5
EPS		673

	YTD	1T	3T	6T
D2D	75.7%	24.9%	74.7%	62.1%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,561	1,559	0.2%
Tài sản ngắn hạn	378	386	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	60.4	29.2	107%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	90.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	67.8	51.0	32.9%
Hàng tồn kho	180	153	17.1%
Tài sản ngắn hạn khác	70.4	62.3	13.0%
Tài sản dài hạn	1,183	1,173	0.9%
Phải thu dài hạn	11.1	11.1	0.0%
Tài sản cố định	84.0	13.7	514%
Bất động sản đầu tư	350	356	-1.6%
Tài sản dở dang	1.63	65.6	-97.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	83.7	83.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	652	643	1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	624	622	0.3%
Nợ ngắn hạn	82.3	74.6	10.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.69	5.26	-29.8%
Nợ dài hạn	541	548	-1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	938	937	0.1%
Vốn chủ sở hữu	938	937	0.1%
Vốn điều lệ	303	303	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	26.3	17.2	32.8	119	25.8
Giá vốn hàng bán	17.9	16.0	35.0	80.6	17.7
Lợi nhuận gộp	8.41	1.15	-2.24	38.0	8.04
Doanh thu HĐTC	4.74	5.76	3.48	2.76	1.02
Chi phí TC	0	0.32	0	1.51	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.64	6.20	5.88	11.8	7.74
LN thuần từ HĐKD	7.51	0.38	-4.64	27.4	1.33
Lợi nhuận khác	0.09	0.80	-0.02	0.02	-0.05
LN trước thuế	7.60	1.19	-4.66	27.5	1.27
Lợi nhuận sau thuế	6.04	0.98	-5.07	23.5	0.97
LNST của CĐ cty mẹ	6.04	0.98	-5.07	23.5	0.97

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.81	2.07	-11.6	-24.8	-56.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	63.0	-18.5	60.1	38.0	87.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.22	-89.7	0	0
Tiền đầu kỳ	16.7	73.9	57.2	16.0	29.2
Lưu chuyển tiền thuần	57.2	-16.7	-41.2	13.2	31.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	73.9	57.2	16.0	29.2	60.4

(Nguồn: fireant.vn)